

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/DS-ST

Ngày: 31/3/2022

*Về việc “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Ngọc Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Hợp và ông Phan Sỹ Phác;

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên toà:
Ông Phạm Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 31/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2021/TLST-DS, ngày 17/12/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-DS ngày 03-3-2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/QĐST-DS ngày 25/3/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ H – Có mặt;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

- Bị đơn: Ông Lâm Văn Tr và bà Nông Thị N – Điều vắng mặt (Đã tổng đạt hợp lệ)

Địa chỉ: Thôn N, xã R, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện nhận ngày 06-12-2021 (bút lục 05) của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ H trong quá Tr giải quyết vụ án và tại phiên tòa Tr bày:

Ngày 10/5/2019, bà H có cho anh Tr và chị N vay số tiền 320.000.000 đồng, mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng. Việc thoả thuận vay tiền hai bên có lập giấy viết tay, thống nhất thời gian vay là 05 ngày, tính từ ngày 10/5/2019 có chữ ký nhận bên vay chồng Lâm Văn Tr và vợ là Nông Thị N; để đảm bảo cho khoản vay trên thì vợ chồng anh Tr và chị N đã giao cho bà H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 495630, thửa đất số 77, tờ bản đồ số 81,

diện tích 15156,0m² do Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil cấp ngày 30/12/2011 đứng tên hộ ông Triệu Văn M và bà Bé Thị S (ông Bé và bà Năm đã chuyển nhượng lại cho anh Tr và chị N theo hồ sơ số 2340/2016 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đắk Mil xác nhận ngày 04/5/2016); đất tọa lạc tại: Thôn Năm Tầng, xã Đắk R'la, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Khi đến hạn, anh Tr và chị N không trả số tiền gốc, lãi suất cho bà H như thỏa thuận.

Do đó, bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil giải quyết buộc vợ chồng anh Tr và chị N phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc là 320.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật là 0,8%/ 01 tháng tính đến ngày khởi kiện khoảng 82.000.000 đồng (bà H còn yêu cầu Tòa án tính lãi suất theo quy định đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm). Khi nào anh Tr và chị N thanh toán xong toàn bộ số nợ gốc và lãi suất thì chị H sẽ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 495630 cho vợ chồng anh Tr và chị N.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc anh Lâm Văn Tr và chị Nông Thị N phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc là 320.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của pháp luật kể từ ngày 16/5/2019 cho đến khi trả xong toàn bộ số nợ.

- *Lời khai của bị đơn trong quá trình tố tụng chị Nông Thị N Tr bày:*

Chị N thừa nhận vào ngày 10/5/2019 vợ chồng chị N, anh Tr có vay của bà Nguyễn Thị Lệ H số tiền 320.000.000 đồng, mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng. Việc thỏa thuận vay tiền hai bên có lập giấy viết tay, thống nhất thời gian vay là 05 ngày, tính từ ngày 10/5/2019, có chữ ký nhận bên vay chồng Lâm Văn Tr và vợ là Nông Thị N; để đảm bảo cho khoản vay trên thì vợ chồng chị N đã giao cho bà H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 495630, thửa đất số 77, tờ bản đồ số 81, diện tích 15156,0m² do Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil cấp ngày 30/12/2011 đứng tên hộ ông Triệu Văn M và bà Bé Thị S (ông Bé và bà Năm đã chuyển nhượng lại cho anh Tr và chị N theo hồ sơ số 2340/2016 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đắk Mil xác nhận ngày 04/5/2016); đất tọa lạc tại: Thôn Năm Tầng, xã Đắk R'la, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Sau khi vay, do điều kiện kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nên không thể trả tiền cho bà H theo như thỏa thuận được. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị N đề nghị bà H tạo điều kiện cho vợ chồng chị N trả nợ làm nhiều đợt cả tiền gốc và lãi suất theo quy định pháp luật. Trường hợp bà H không đồng ý thì đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Khi nào vợ chồng chị N thanh toán xong nợ thì yêu cầu bà H trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 495630 cho vợ chồng chị N.

- *Đối với bị đơn anh Lâm Văn Tr:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Lâm Văn Tr (do chị N là vợ của anh Tr nhận thay, chị N cam kết sẽ giao lại cho anh Tr). Tại bản tự khai ngày 29/12/2021, chị N cho biết hiện tại, anh Tr đi làm ăn xa không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, chị N đã thông báo cho anh Tr biết việc bà H khởi kiện yêu cầu anh Tr, chị N có nghĩa vụ trả số nợ đã vay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu ý kiến:

Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ H, buộc anh Lâm Văn Tr và chị Nông Thị N có trách nhiệm trả cho bà H số tiền gốc là 320.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của pháp luật kể từ ngày 16/5/2019 cho đến khi trả xong toàn bộ nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lâm Văn Tr và chị Nông Thị N phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết:

Bị đơn, anh Lâm Văn Tr và chị Nông Thị N có địa chỉ tại thôn N, xã R, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp:

Tại phiên tòa, sau khi làm rõ nội dung tranh chấp bà H yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết, buộc anh Tr và chị N trả số tiền gốc 320.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của pháp luật kể từ ngày 16/5/2019 cho đến khi trả xong toàn bộ nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây

là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 10/5/2019, anh Tr và chị N vay của bà H số tiền 320.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 ngày, tính từ ngày 10/5/2019. Ngày 06/12/2021, bà H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil là còn trong thời hiệu theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của anh Lâm Văn Tr và chị Nông Thị N:

[2.1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Tr không hợp tác đến Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil làm việc. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Tr (tổng đạt trực tiếp cho chị Nông Thị N là vợ của anh Tr và chị N cam kết sẽ thông báo cho anh Tr) nhưng anh Tr vẫn vắng mặt.

[2.2]. Tại phiên tòa, bị đơn chị Nông Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt còn anh Lâm Văn Tr dù được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[3]. Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Hợp đồng vay tài sản giữa bà H với anh Tr, chị N là hoàn toàn có thật, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil (bản gốc hợp đồng vay tài sản đề ngày 10/5/2019) thể hiện: Anh Tr, chị N có vay của bà H số tiền 320.000.000 đồng, có chữ ký của anh Tr, chị N phù hợp với các quy định của pháp luật về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng dân sự. Căn cứ vào nội dung thỏa thuận giữa bà H với anh Tr, chị N thì ngày 15/5/2019 anh Tr, chị N phải có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 320.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi đến hạn thanh toán anh Tr, chị N không trả tiền gốc theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Vì vậy, căn cứ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc anh Tr và chị N phải trả cho bà H số tiền gốc là 320.000.000 đồng.

[3.2]. Về lãi suất: Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2021, bà H yêu cầu anh Tr và chị N phải thanh toán số nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật. Trong quá Tr giải quyết vụ án, bà H yêu cầu anh Tr và chị N phải thanh toán khoản tiền lãi theo mức 0,8%/ 01 tháng. Tại phiên tòa, bà H chỉ yêu cầu anh Tr và chị N có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của pháp luật kể từ ngày 16/5/2019 cho đến khi trả xong toàn bộ nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị N cũng đồng ý trả lãi theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo nội dung thỏa thuận của các bên

tại Giấy vay tiền ngày 10/5/2019 không thể hiện việc cho vay có lãi, do đó yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền kể từ ngày 16/5/2019 của bà H là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự, cụ thể:

“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”.

Như vậy, đối với số tiền 320.000.000 đồng thì tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền kể từ ngày 16/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/3/2022) là 02 năm 10 tháng 15 ngày, cụ thể: $320.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 02 \text{ năm } 10 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 90.706.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng số tiền gốc, tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ là: $320.000.000 \text{ đồng} + 90.706.000 \text{ đồng} = 410.706.000 \text{ đồng}$.

Từ những căn cứ, lập luận nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc anh Lâm Văn Tr và chị Nông Thị N phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Lệ H tổng số tiền là 410.706.000 đồng (*Bốn trăm mười triệu, bảy trăm linh sáu nghìn đồng*), trong đó: nợ gốc là 320.000.000 đồng (*Ba trăm hai mươi triệu đồng*) và tiền lãi cho chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 90.706.000 đồng (*Chín mươi triệu, bảy trăm linh sáu nghìn đồng*). Kể từ ngày 01/4/2022, anh Tr và chị N phải tiếp tục chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền nợ gốc do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Sau khi anh Lâm Văn Tr và chị Nông Thị N thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền, bà Nguyễn Thị Lệ H phải trả lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 495630, thửa đất số 77, tờ bản đồ số 81, diện tích 15156,0m² cho anh Tr và chị N.

[4]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp pháp luật cần chấp nhận.

[5]. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 410.706.000 đồng = 20.000.000 đồng + (4% x 10.706.000 đồng = 428.000 đồng) = 20.428.000 đồng. Do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên anh Tr và chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.428.000 đồng. Trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 278, Điều 280, Điều 351, Điều 352, Điều 353, Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ H.

Buộc anh Lâm Văn Tr và chị Nông Thị N phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Lệ H tổng số tiền là 410.706.000 đồng (*Bốn trăm mười triệu, bảy trăm linh sáu nghìn đồng*), trong đó: nợ gốc là 320.000.000 đồng (*Ba trăm hai mươi triệu đồng*) và tiền lãi cho chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 90.706.000 đồng (*Chín mươi triệu, bảy trăm linh sáu nghìn đồng*).

Kể từ ngày 01/4/2022, anh Tr và chị N phải tiếp tục chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền nợ gốc do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Sau khi anh Lâm Văn Tr và chị Nông Thị N thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền, bà Nguyễn Thị Lệ H phải trả lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 495630, thửa đất số 77, tờ bản đồ số 81, diện tích 15156,0m² cho anh Tr và chị N.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 144; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh Lâm Văn Tr và chị Nông Thị N phải nộp số tiền 20.428.000 đồng (*Hai mươi triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn đồng*). Trả lại cho bà Nguyễn Thị Lệ H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*) theo biên lai thu tiền số 0000652 ngày 15/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THA.DS huyện Đắk Mil;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trương Ngọc Thanh

